

Số: /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần thông minh MK tại Văn bản số 242/CV-MK ngày 24/12/2024, số 78/CV-MK ngày 08/7/2025 về việc đề nghị cấp phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, cung cấp thẻ thông minh và các giải pháp liên quan đến thẻ; Hoạt động in (sản xuất in hóa đơn mẫu in sẵn, phong bì thư)” tại Lô 40, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội và các tài liệu liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần thông minh MK, địa chỉ trụ sở chính: Lô 40, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: “Nhà máy sản xuất, cung cấp thẻ thông minh và các giải pháp liên quan đến thẻ; Hoạt động in (sản xuất in hóa đơn mẫu in sẵn, phong bì thư)” với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án:**

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất, cung cấp thẻ thông minh và các giải pháp liên quan đến thẻ; Hoạt động in (sản xuất in hóa đơn mẫu in sẵn, phong bì thư).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 40, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp: 2500218495, đăng ký lần đầu ngày 17/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02/06/2022, nơi cấp: phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 2500218495.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, cung cấp thẻ thông minh và các giải pháp liên quan đến thẻ; Hoạt động in (sản xuất in hóa đơn mẫu in sẵn, phong bì thư).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích dự án: 10.408m<sup>2</sup> (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00088.QSĐĐ/3683/QĐUB ngày 01/10/2003*).

- Tổng mức đầu tư: 200.000.000.000 đồng (*Hai trăm tỷ đồng./.*).

- Quy mô: nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); nhóm II (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất:

+ 100 triệu thẻ/năm;

+ 100 tấn hóa đơn và giấy liên tục/năm.

(*Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 8704785170 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (nay là Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội) chứng nhận lần đầu ngày 17/12/2007, chứng nhận điều chỉnh lần 11 ngày 02/12/2022*).

**- Quy trình sản xuất:**

+ Quy trình sản xuất thẻ thông minh: Nguyên liệu (tấm nhựa PVC) → In offset → Dải từ → Phủ keo → Ép nhiệt → Cắt thẻ → Khoét lỗ → Gắn chip → In/Cá thẻ hóa thẻ → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho.

+ Quy trình sản xuất hóa đơn mẫu in sẵn: Nguyên liệu (giấy + mực in) → Thiết kế chế bản → Output film → Phơi bản → In offset → Gia công sau in → Sản phẩm.

+ Quy trình sản xuất phong bì thư: Nguyên liệu (giấy + mực in) → Chuẩn bị nguyên liệu (cắt và in) → Gấp và dán keo → Sản phẩm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện đấu nối, xử lý nước thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo

Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần thông minh MK:

1. Có quyền, nghĩa vụ: Theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, Ủy ban nhân dân xã Quang Minh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nơi nhận:**

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Trưởng ban
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND xã Quang Minh
- Phòng CS&TT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Phòng KHĐT, QLDN;
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức;
- Công ty Cổ phần thông minh MK;
- Lưu: VT, XDMT.

**Đinh Trần Quân**

### Phụ lục 1

## **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-CNCCN ngày / /2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh nhà xưởng số 1.

+ Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh nhà xưởng số 2.

+ Nguồn thải số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh khu vực nhà ăn.

+ Nguồn thải số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bếp nấu ăn khu vực nhà ăn.

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty Cổ phần thông minh MK đã ký Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải số 113/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh).

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

#### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1 Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nguồn thải số 1: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh nhà xưởng 1 → đường ống PVC D110 (L=15m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V=12m<sup>3</sup>) → Đường ống HDPE D200 (L=48m) → Hệ thống xử lý nước thải số 2.

+ Nguồn thải số 2: Nước thải từ các nhà vệ sinh tại nhà xưởng 2 → đường ống PVC D110 (L=45m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V=24m<sup>3</sup>) → Đường ống HDPE D200 (dài 48m) → Hệ thống xử lý nước thải số 2.

+ Nguồn thải số 03: Nước thải từ các các nhà vệ sinh tại khu nhà ăn → đường ống PVC D110 (L=5m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V<sub>1</sub>=5m<sup>3</sup>, V<sub>2</sub>=2m<sup>3</sup>) → Đường ống HDPE D200 (L=55m) → Hệ thống xử lý nước thải số 1.

+ Nguồn thải số 04: đường ống PVC D110 (dài 5m) → Bể tách mỡ (V=0,5m<sup>3</sup>) → Đường ống HDPE D200 (dài 55m) → Hệ thống xử lý nước thải số 1.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sẽ được chảy ra các hố ga đầu nối (kích thước: 1.000x1.000mm) và cuối cùng chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang

Minh đề dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm tại 02 điểm đầu nổi như sau:

- Tọa độ vị trí đầu nổi số 1 (thoát nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải số 1):  
 $X_1(m) = 2\ 344\ 553$ ;  $Y_1(m) = 578\ 876$ ;

- Tọa độ vị trí đầu nổi số 2 (thoát nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải số 2):  
 $X_2(m) = 2\ 344\ 689$ ;  $Y_2(m) = 578\ 934$ .

*(Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>00</sup>, múi chiếu 3<sup>o</sup>).*

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt số 01

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (Nguồn số 02 và 03) → Bể gom ( $V = 0,58\ m^3$ ) → Bể điều hòa ( $V = 4,94\ m^3$ ) → Bể Anoxic ( $V = 2,70\ m^3$ ) → Bể hiếu khí ( $V = 4,65\ m^3$ ) → Bể lắng ( $V = 3,36\ m^3$ ) → Hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

- Công suất thiết kế: 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo viên.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt số 02

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (Nguồn số 01) → Bể gom ( $V = 2,46\ m^3$ ) → Bể điều hòa ( $V = 6,00\ m^3$ ) → Bể Anoxic ( $V = 3,50\ m^3$ ) → Bể hiếu khí ( $V = 14,61\ m^3$ ) → Bể lắng ( $V = 3,28\ m^3$ ) → Bể khử trùng ( $V = 1,23\ m^3$ ) → Hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

- Công suất thiết kế: 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ đảm nhận công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng theo hướng dẫn của nhà cung cấp thiết bị. Ghi chép sổ nhật ký bổ sung hóa chất, sự cố để theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống.

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm, máy châm hóa chất, đường ống để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý và vận hành theo đúng quy trình, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật; Lập sổ theo dõi, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Trường hợp thiết bị của hệ thống xử lý nước thải hỏng hóc và không thể vận hành, thực hiện thay thế bằng thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục sự cố.

- Trường hợp đường ống thu gom nước thải bị rò rỉ, vỡ do tác động của ngoại cảnh, tiến hành khóa nguồn nước và sử dụng bơm di động, khắc phục ngay sự cố.

- Trường hợp sự cố do vận hành, kiểm tra lại quy trình vận hành tại tất cả các công đoạn, điều chỉnh hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn hoạt tính.

- Trường hợp sự cố phức tạp, vượt quá khả năng tự khắc phục, Công ty sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng để xử lý, khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày ký giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt số 01 công suất thiết kế 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt số 02 công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại hố ga đầu ra của các hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Thông số: Theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải giữa Chủ dự án và Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức.

2.2.3. Giá trị giới hạn cho phép của các thông số: Theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải tại hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải với Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Quang Minh, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh để tiếp tục xử lý.

3.3. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải 20 ngày.

3.7. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025 của Ban  
Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

**A. NỘI DUNG VỀ CẤP PHÉP TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ máy in tại tầng 1 của nhà máy;
- Nguồn số 02: Từ máy khoan lỗ gắn chip thẻ tại tầng 2 của nhà máy;
- Nguồn số 03: Từ máy dãi dây đồng tại tầng 4 của nhà máy.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, vĩ độ 3°) như sau:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 2 344 669; Y = 578 927.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 2 344 672; Y = 578 936.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 2 344 663; Y = 578 929.

**3. Tiếng ồn, độ rung:** phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6h-18h	Từ 18h-22h	Từ 22h-6h		
1	70	65	60	-	Khu vực E

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-22 giờ	Từ 22-6 giờ		
1	75	70	-	Khu vực D

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Sử dụng máy móc, thiết bị có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Lắp đặt các đệm chống ồn. Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các máy móc thiết bị có khả năng gây ồn lớn trong cùng một khu vực. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực tiếng ồn lớn như nút tai chống ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ, bôi trơn các máy, bảo dưỡng các thiết bị và thay thế các chi tiết bào mòn.

**2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ**  
**ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025 của Ban  
Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	40
2	Pin thải	16 01 12	40
3	Dầu thải	17 02 03	400
	<b>Tổng</b>		<b>480</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dung dịch tẩy rửa thải	07 01 06	720
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	5.000
3	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	9500
4	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	19 03 01	1805
	<b>Tổng</b>		<b>17.025</b>

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Giấy	11
2	Nhựa	48
3	Bùn từ bể tự hoại, các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	42
	<b>Tổng</b>	<b>101</b>

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình: 45 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải kiểm soát:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng có dung tích 60-120 lít đặt tại các vị trí sản xuất có phát sinh CTNH, cuối ngày được nhân viên thu gom đưa về kho CTNH. Tại kho bố trí 07 thùng bằng nhựa, bằng sắt có nắp đậy kín, dung tích thùng chứa 60 lít và 220 lít, các thùng chứa được dán nhãn, mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 20m<sup>2</sup>
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mái bằng tôn, sàn bằng bê tông có khả năng chống thấm; Khu vực lưu chứa có dán biển cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa có dung tích từ 60 lít đến 240 lít và các bao tải dứa có dung tích 1 m<sup>3</sup>, được đặt ở các vị trí sản xuất có phát sinh chất thải. Cuối ngày được nhân viên thu gom và đưa về kho lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Số lượng: 01 khu vực lưu giữ CTRCNTT.
- Diện tích khu vực lưu chứa: 38 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mái che bằng tôn, sàn bằng bê tông, khu vực lưu chứa có biển cảnh báo và bố trí thiết bị PCCC đầy đủ.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Tại khu vực văn phòng, nhà ăn có bố trí các thùng bằng nhựa, có nắp đậy kín, dung tích từ 25-60 lít/thùng, cuối ngày được nhân viên thu gom, phân loại và đưa về khu vực tập kết rác thải sinh hoạt trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.3.2. Khu lưu giữ:

- Diện tích: 03 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: khu vực lưu chứa có biển cảnh báo và bố trí thiết bị PCCC đầy đủ.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại

Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Chương X Luật Bảo vệ môi trường, Chương IX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với đặc điểm hiện trạng của dự án. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-CNCCN ngày / /2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy.

5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh (Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức) theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện các quy định hiện hành./.